**Nguyễn Ước**

Lão Tử

Chào mừng các bạn đón đọc đầu sách từ dự án sách cho thiết bị di động

*Nguồn:* [*http://vnthuquan.net/*](http://vnthuquan.net/)
Tạo ebook: Nguyễn Kim Vỹ.

**MỤC LỤC**

**Nguyễn Ước**

Lão Tử

Hơn hai ngàn năm trước, trong khi châu Âu còn nằm trong bóng tối của sự man rợ, Hy Lạp đang mở rộng ảnh hưởng chính trị và văn hóa của mình thì Trung Hoa đã là một xã hội tổ chức tương đối có kỷ cương với nếp sinh hoạt văn hóa cao nhất từ trước tới nay. Đó là nhận định được nhiều học giả phương Tây cùng chia sẻ.
Thời Xuân Thu của Trung Hoa kéo dài từ năm 722 tới năm 481 trước công nguyên. Trong tình trạng triền miên tao loạn của Trung Hoa, xuất hiện nhiều triết gia với nhiều lý thuyết khác nhau, được gọi là Bách gia chư tử. Vượt lên trên các triết gia ấy, Lão Tử — cùng Khổng Tử — là hai nhân vật nổi bật nhất. Với cuốn Đạo Đức Kinh, Lão Tử là người đầu tiên tại Trung Hoa đưa ra một quan niệm về vũ trụ. Những lời trong cuốn sách nhỏ ấy của ông thấm sâu vào dân tộc Trung Hoa, làm cốt lõi của văn hóa Trung Hoa, vừa tạo thú sống cho tao nhân quân tử vừa như một tôn giáo cho giới bình dân ngưỡng vọng.
Nền minh triết của Đạo Đức Kinh cũng được khai triển bởi các danh gia tự xem là môn đệ của Lão Tử, về sau trở thành một nền học thuật rồi dần dà biến thành một tôn giáo thần bí. Tại phương Tây, từ khoảng một trăm năm nay, Lão Tử ngày càng có mặt trong phạm vi nghiên cứu của nhiều học giả thuộc bộ môn triết ở các đại học, cho tới các trí thức muốn tìm cho mình một lối suy tư và sống thanh thoát giữa lòng xã hội bị cơ khí hóa và mê thích tiêu thụ.

**Ông thầy già thần bí**
Sự am hiểu của hậu thế về Đạo Đức Kinh thì tỉ lệ nghịch với mức độ hiểu biết về thân thế của Lão Tử. Lão Tử thật sự là ai, và phải chăng hai chữ ấy chỉ có ngụ ý vẽ ra hình ảnh một ông thầy già thần bí nửa hư nửa thực? Không học giả nào dám trả lời dứt khoát. Dựa theo truyền thuyết dân gian và mấy trang sách cổ, các học giả Trung Hoa thường tin rằng Lão Tử sống cùng thời với Khổng Tử và sinh trước hay sau vài chục năm. Nếu đúng thế tức là khoảng thời gian thế kỷ thứ sáu trước công nguyên, cùng thời với các triết gia Hy Lạp tiền Socrates như Heraclitus và Pythagoras.
Sử ký của Tư Mã Thiên (sinh khoảng năm 145 trước công nguyên) có kể chuyện rành rọt về Lão Tử, với đầy đủ họ Lý tên Nhĩ, hiệu là Bá Dương, thụy là Đam. Có người nói đó là Thái sử Đạm, Lão Lai Tử, người huyện Khổ, nước Sở, nay là phía đông Lộc Ấp, thuộc tỉnh Hà Nam. Có người còn đưa thời điểm cụ thể về cuộc đời của Lão Tử, cho rằng ông chào đời rồi tạ thế trong khoảng 580-500 trước công nguyên, cuối thời Xuân Thu. Cũng có câu chuyện kể lại lời Khổng Tử đã nói về Lão Tử — sau lần duy nhất cả hai gặp nhau — đại ý rằng ta biết và có thể săn bắt chim cá và thú, “chỉ như con rồng thì ta không biết nó theo mây gió mà bay liệng như thế nào. Nay ta thấy Lão Tử như con rồng”.
Sách Sử ký kể tiếp rằng Lão Tử làm quan giữ sách sử (Thư tàng sử) của nhà Chu. Khi thấy nhà Chu suy tàn, ông rời Trung Hoa, tìm ra chốn quan ngoại để sống. Lúc đi qua cửa ải Hàm Cốc, ông gặp quan lệnh là Doãn Hỉ. Quan ấy thưa: “Ngài sắp đi ở ẩn, xin hãy vì tôi mà để lại một bộ sách”. Lão Tử nán lại soạn Đạo Đức Kinh, rồi để ở đó, cưỡi trâu mà đi. Khi ông đã khuất bên kia cửa ải, người đời không còn biết tung tích ông.
Khảo chứng của người đời sau cho rằng bài viết về Lão Tử trong Sử ký hẳn do hậu thế thêm vào, còn lời cảm khái của Khổng Tử là do một đạo gia nào đó bịa ra để tôn vinh sư tổ của mình. Như thế, hình ảnh ông thầy già cưỡi trâu đi ra quan ải và con rồng bay liệng trên không cũng chỉ ở trong cõi huyền thoại. Chúng tạo thêm vẻ thần bí mông lung, như hàng trăm câu chuyện khác về hành trạng và hoàn cảnh sáng tác của văn thi sĩ Trung Hoa thời cổ. Nhưng dù gì đi nữa, ngụ ngôn ấy cũng làm nổi bật thêm giá trị tư tưởng, cuộc sống lãng đãng và phong thái phiêu hốt của tác giả Đạo Đức Kinh.

**Đạo Đức Kinh**
Sách chỉ khoảng 5000 chữ, gồm hai phần. Thượng là Đạo Kinh gồm 37 chương, bàn về Đạo lớn của vũ trụ. Hạ là Đức Kinh gồm 44 chương bàn về Đức.
Tác giả viết theo hình thức câu dài ngắn khác nhau, giàu âm điệu và đọc lên nghe như thơ tự do thời nay. Súc tích. Không chấm câu. Không lý luận. Không chứng minh dài dòng. Thể được dùng là cổ văn, một loại văn ngắn gọn, dễ thuộc lòng nhưng không dễ hiểu. Vì thế, nó có vẻ như chỉ gợi ý và bắt người đọc phải ngẫm nghĩ, tưởng tượng, lắng nghe tiếng dội lại từ lòng mình. Và người đọc có rất nhiều cơ hội tiếp nối quá trình sáng tạo, tư duy, cho tác phẩm sinh động, thấm sâu, được triển khai thêm theo mỗi lần đọc.
Ngoại trừ hai vấn đề chính là Đạo và Đức, sách còn trình bày kiến thức sơ lược về binh pháp, thiên văn, dưỡng sinh... Có người dựa vào nội dung, cắt nghĩa rằng mục đích của Lão Tử là truyền thông điệp trị quốc, một loại triết lý chính trị. Có người lại nhấn mạnh tới phẩm chất tâm linh đạo học của nó.
Các bản lưu truyền từ hơn hai ngàn năm nay có khác nhau đôi chút về một số chữ hoặc cách chấm câu. Năm 1973, tại Trường Sa, ngành khảo cổ học tìm thấy một bản bạch thư dưới một mộ cổ đời Hán, trong đó phần Đức Kinh được đem lên trước phần Đạo Kinh. Bản khai quật này có giá trị tham khảo rất lớn vì hơi khác các bản hiện hành.
Cho tới nay, Đạo Đức Kinh có tới cả trăm bản dịch ra các thứ tiếng Anh, Pháp, Đức, Tây Ban Nha, v.v. Riêng trong tiếng Việt có các bản dịch của Nguyễn Duy Cần, Nghiêm Toản, Nguyễn Hiến Lê, Nguyễn Tôn Nhan...

**Vũ trụ luận và Tri thức luận**
Tại Trung Hoa, trước Lão Tử, chưa triết gia nào khởi xướng vũ trụ luận. Học thuyết trọng tâm của Lão Tử là Đạo và Đức.
Đạo sinh một, một sinh hai, hai sinh ba, ba sinh vạn vật. Lão Tử đếm vài con số rồi phán như thế, và ta hiểu ý của ông cho rằng không thể định nghĩa Đạo, nhưng Đạo có trước vũ trụ và Đạo là nguồn gốc của vũ trụ. Theo Lão Tử, trời đất muôn vật do Đạo mà sinh thành. Đạo là cái hỗn mang chưa phân, là cái nguyên thủy và là sự vận động hằng cửu mà ta không thể cảm, không thể biết. Đạo vô danh vô hình, là căn nguyên và cốt lõi của muôn vật. Muôn vật đều khởi đi từ Đạo, đi theo Đạo và quay về Đạo.
Còn Đức? Chữ Đức ở đây không phải là đức hạnh hiểu theo lối luân lý thông thường, mà là phải hiểu theo nghĩa của Lão Tử. Đức là “mầm sống ngấm ngầm” trong vạn vật. Đạo thì sinh ra còn Đức thì nuôi nấng. Người sống có Đức là sống theo Đạo. Người bắt chước đất, đất bắt chước trời, trời bắt chước Đạo, Đạo bắt chước tự nhiên.
Tới đây, ta chớm hiểu. Cái Đạo “phi thường Đạo” được Lão Tử nói đến là thiên nhiên, năng lượng sức sống và sự vận hành của thiên nhiên. Cũng có thể gọi là tự nhiên hoặc thiên lý. Và Đức là cứ theo tự nhiên mà sống, thuận theo thiên lý mà lưu hành. Trong cái Đạo của vũ trụ ấy, thiên nhiên và những qui luật của chúng tập hợp thành cái trụ cốt, cái bản thể, còn đất trời và sinh linh, v.v. là những thực thể có vị trí thích hợp và chức năng thích hợp, thao tác theo một thể thức tự nhiên.
Đạo ấy chỉ được biết bằng trực quan, không bằng lý trí. Lão Tử không lập luận về Đạo vì ông chống lý trí. Theo ông, lý trí khiến ta nhìn cuộc đời với con mắt nhị nguyên, phân chia thế giới nội tâm và ngoại lai, con người với thiên nhiên, thế gian với vũ trụ, thiện và ác, vinh và nhục, đúng và sai, cao và thấp..., làm ta xa lìa đạo. Lão Tử không mất công giảng giải về Đạo, ông chống tri thức và trí năng. Ông cho rằng tri thức không giúp cho người ta sống theo Đạo và Đức. Nó chỉ làm cuộc sống thêm phức tạp; nó chế tạo cơ khí khiến sinh ra “cơ tâm”; nó bày đặt lý thuyết này nọ khiến đưa tới xung khắc... Trí năng khiến người ta phân biệt cái hay cái dở nên sinh ra ham muốn. Ông chủ trương bỏ trí năng, bỏ văn tự, bỏ việc dạy dỗ dân, để dân chúng sống mộc mạc, tự nhiên. Lão Tử không chịu nói nhiều về Đạo vì ông hiểu rõ giới hạn truyền đạt của ngôn ngữ. Tóm lại, Đạo, cái lý tự nhiên trong con người và vũ trụ, thì hư vô, mênh mông, sâu thẳm và ngập tràn tới độ nằm ngoài tầm nắm bắt của lý trí, nhận biết của tri thức và diễn đạt của ngôn từ.
Lão Tử nhìn sự vật thường xuyên biến đổi và nhận ra luật mâu thuẫn nơi vẻ ngoài của vạn vật, “cái yên tĩnh là chủ của cái xáo động, cái quí lấy cái tiện làm gốc, cái cao lấy cái thấp làm gốc, cái thật đầy thì giống như trống không, con người thật khôn khéo thì trông giống như vụng về...”
Ông còn nhận ra luật phản phục ở bên trong vũ trụ, “vật gì phát tới cực điểm thì phản hồi, hễ tăng rồi thì phải hao giảm — trăng tròn rồi khuyết, hết mùa đông tới mùa xuân... Cùng tắc biến, biến tắc thông....”
Trong cùng một lúc, bị chi phối bởi luật mâu thuẫn và luật phản phục, vũ trụ vận hành với Đạo, vạn vật đều nương tựa vào nhau mà sinh tồn và tương tác tạo điều kiện cho nhau “có và không cùng sinh; khó và dễ cùng thành, dài và ngắn cùng hình, cao và thấp cùng nghiêng, thanh và âm cùng họa, trước và sau cùng theo”.
Tuy Đạo không thể hiểu, không thể bàn, không thể nói nhưng Lão Tử cho rằng loài người chỉ tự mình phục vụ mình tốt nhất bằng việc đi trên con đường Đạo. Để xoay xở trong tình cảnh nghịch lý đó thì có Đức. Sống có Đức tức là sống không phân biệt nhị nguyên, không khiên cưỡng, sống tự nhiên, vi vô vi — làm một cách tự nhiên — và đi đúng con đường vận hành của Đạo.

**Cầm quyền trị nước**
Quốc gia theo hình ảnh của Lão Tử là một nước nhỏ dân ít, nên có người bảo có lẽ Lão Tử chọn hình thức liệt quốc liên bang cho Trung Hoa thời cổ. Có người lại bảo đó là một thứ Utopia của Plato nằm ở đầu mút cực đoan đảo nghịch.
Lấy khái niệm Đạo và Đức của mình làm hệ qui chiếu, Lão Tử chủ trương một chính quyền theo tự nhiên mà giữ giềng mối, “vô vi nhi trị”, trị mà như không trị tức là trị vậy. Theo Đạo mà trị nước vì nếu dùng trí thuật mà trị nước tức là làm hại nước.
Chính quyền gồm những người chất phác, ăn ở giản dị và cần kiệm, không xa hoa. Họ không can thiệp vào chuyện của nhân dân, không dựa vào thánh nhân để dạy dỗ dân, không tôn quí hiền tài, không vận dụng lý trí để ứng xử với dân. Luật pháp phải rộng rãi và uyển chuyển vì càng gia tăng luật lệ thì dân càng bị trói buộc, khổ sở. Trọng dụng hiền tài chỉ làm dân tranh nhau để được tiếng là người hiền. “Dứt thánh bỏ trí, dân lợi trăm phần. Dứt nhân bỏ nghĩa, dân lại thảo lành. Dứt xảo bỏ lợi, trộm cướp không còn”.
Ở trong nước, chính quyền không nên dùng các hình phạt răn đe, nhất là đem cái chết ra dọa dân vì tới một lúc nào đó dân không còn sợ. Đối với bên ngoài, phải cố hết sức tránh nạn binh đao. Lão Tử triệt để bác bỏ chiến tranh. Cực chẳng đã phải dùng thì nên điềm đạm, chừng mực. “Nước lớn mà hạ mình trước nước nhỏ thì được nước nhỏ thần phục; nước nhỏ mà hạ mình trước nước lớn thì tất được nước lớn che chở”.
Tóm lại, phép trị quốc an dân hay nhất để đem lại phúc lợi cho dân chúng là càng ít can thiệp càng tốt, để mặc cho dân sống tự nhiên, mộc mạc và giản dị.

**Sống đời tự nhiên**
Lấy vũ trụ quan về Đạo làm cơ sở và áp dụng Đức, tức là vận dụng Đạo vào cuộc sống đời thường, đó là phong thái sống theo Đạo. Cuộc đời cứ thế tự nhiên mà sống. Bên ngoài thì mộc mạc nhàn nhã, bên trong thì phong phú thâm hậu vì luôn luôn tươi mới theo vận hành của thiên nhiên.
Đây là một lối sống tự nhiên, không dựa và lý trí, cũng không dựa vào tri thức. Ta nên trọng “tốn” và “tĩnh”. Tốn là khiêm tốn, đừng mong phát đạt đến cực điểm. Hễ hơi quá thì phải giảm rút ngay. Tĩnh là ung dung nhàn nhã, là vô vi. Cứ thuận theo tự nhiên, đừng ra tay tạo thời thế, vì không thể nào chuyển được cơ trời.
Người hiểu Đạo thì lúc nào cũng giữ phận mình hèn mọn. Thông minh thánh trí thì nên sống như kẻ ngu ngơ đần độn. Không tranh đua với người khác. Minh triết là an mệnh, giữ sự thinh lặng, sống lặng lẽ với thiên nhiên. Không ôm hết vào mình, không tích lũy của cải. Nên cho kẻ khác những cái mình có.
Mềm thì thắng cứng, yếu thì thắng mạnh. Sống như nước. Nước làm lợi cho mọi vật mà không tranh giành, ở chỗ thấp trũng không người nào thích. Trong thiên hạ không có gì nhu nhược như nước nhưng dùng để công phá những cái chắc và mạnh thì không có gì hơn nước.

**Trang Tử**
Sau Lão Tử khoảng hai trăm năm, có một triết gia chiêm bao thấy mình hóa bướm nhởn nhơ bay lượn tới độ khi tỉnh giấc, không biết giờ đây mình đang là bướm hay bướm chính là mình. Kẻ ấy là triết gia và văn hào Trang Tử, người để lại cho đời tuyệt phẩm Nam Hoa Kinh.
Trang Tử họ Trang tên Chu, tự là Tử Hư. Ông sinh khoảng năm 369 và từ trần năm 286 trước công nguyên, quê tại đất Mông (nay là huyện Thương Khâu, tỉnh Hà Nam, có thuyết nói là huyện Tào, tỉnh Sơn Đông nước Tống). Thuộc gia đình quí tộc sa sút, ông từng làm quan, sau đó từ chức về quê ở ẩn. Có lần ông được mời ra làm tướng quốc nhưng ông từ chối vì không muốn mất thú sống tiêu dao với cỏ cây.
Sử ký của Tư Mã Thiên viết về ông: “Sở học của ông không sách gì không xem, nhưng cái gốc chủ yếu quy về lời Lão Tử, cho nên ông viết sách hơn mười vạn chữ [Nam Hoa Kinh], đại để dùng dụ ngôn... Lời ông mênh mông phóng túng để thỏa thích ý mình, cho nên vương công đại nhân không ai dùng được ông”.
Nam Hoa Kinh của Trang Tử gồm 33 thiên, chia làm ba phần. Nội thiên có 7 thiên; Ngoại thiên có 15 thiên; và Tạp thiên có 11 thiên. Xét theo tư tưởng cùng văn phong, các học giả cho rằng chỉ phần Nội thiên là do Trang Chu trước tác, hai phần còn lại do người đời sau viết và mượn tên ông. Đây là một tập quán tá danh thường thấy trong văn học Trung Hoa, để gây chú ý và gia tăng trọng lượng các phát biểu của một tác giả nào đó.
Kế thừa tư tưởng của Lão Tử, Trang Chu đi vào chi tiết hơn và phát huy chúng lên mức cực điểm. Ông cho rằng Đạo là vô vi, vô hình, tồn tại từ lúc chưa có trời đất. Và trời đất muôn vật được cấu tạo bởi Khí — “suốt thiên hạ là một Khí vậy”. Ông là người đầu tiên quả quyết rằng mọi sinh vật sống trên mặt đất có nguồn gốc từ dưới biển.
Vũ trụ của Trang Chu biến hóa vô cùng tận. Vạn vật sinh tử như nhau không khác nhịp tuần hoàn của thiên nhiên nên chúng cũng khác nhau về giá trị của phẩm tính và lượng tính. Vì tính chất biến hóa và tương đối đó, Trang Chu ôm lòng hoài nghi cực độ, đi đến tính tuyệt đối trong chủ trương của mình: tuyệt đối tự do bình đẳng, tuyệt đối tôn trọng cá nhân và tuyệt đối vô vi. Trong trạng thái tuyệt đối đó, con người không kỳ vọng, không chờ đợi, chỉ sống tiêu dao theo tháng ngày.
Lão Tử tuy vô vi nhưng còn nghĩ tới chuyện nước non, còn Trang Tử vô vi tới mức phủ định quốc gia. Ông ghét những vị được gọi là minh quân, các thể chế và các phẩm trật chính trị. Ông là người cực kỳ vô chính phủ. Khi vua Sở mời ra làm quan, ông chỉ nói: “Ta thích làm con rùa sống mà lết cái đuôi trong bùn, còn hơn làm con rùa thần đã chết cất nơi miếu đường, trong một cái giỏ có phủ lụa”.

**Tác động của Lão Trang**
Khái niệm về muôn vật biến hóa của Trang Tử đóng vai trò chủ yếu trong triết học Lão Trang. Nó thâm nhập các luồng triết học khác như Phật giáo để hợp thành Thiền tông, đi bên cạnh Khổng giáo để tạo một không gian thanh thoát trong xã hội kỷ cương chặt chẽ. Quan niệm Khí của Trang Chu cũng đi vào y học, võ thuật, dưỡng sinh, phong thủy...
Triết lý duy tự nhiên của Lão Tử với năm điểm chính phản phục, hư tĩnh, vô vi, khiêm nhu, bất tranh được hậu thế lưu giữ như một giấc mơ an lạc đã mất trong nền văn minh cơ khí, phát triển kinh tế và nhịp sống xô bồ của nhân loại sau ông hơn hai ngàn năm. Cái Hỗn mang trong Đạo Đức Kinh có cái gì đó từa tựa Chaos của Hesiod trong Theogony (Thần linh phả hệ) của Hy Lạp. Đọc Lão Tử, người ta hiểu rõ hơn vũ trụ quan trong các Upanishad của kinh Veda, mà có người như Will Durant và Ngô Tất Tố nói là ông đã lấy cảm hứng từ đó. Lối sống trở về thiên nhiên theo Đạo Đức Kinh và Nam Hoa Kinh cũng khiến ta nhớ tới chủ trương của Jean Jacques Rousseau của Pháp và Henry David Thoreau của Mỹ. Tiểu quốc của Lão Tử đầy vẻ ảo tưởng không kém Utopia của Plato, nhưng giấc mộng an lạc và thuần phác của nó vẫn ám ảnh người công dân hiện đại, nhất là những lúc quốc gia chẳng may không có được giới lãnh đạo xứng đáng. Và mỗi khi mỏi mệt vì cuộc sống thường nhật, hoặc tới một tuổi nào đó trong đời người, ta lại nhìn thấy hình ảnh ông thầy già cưỡi trâu chầm chậm đi trong hoa cỏ và gió nhẹ của đất trời, hoặc ta muốn chập chờn vào giấc mộng hóa bướm của vị trung niên ẩn sĩ.

**Lão Trang và Đạo giáo**
Tuy nhiên, những quảng diễn từ Đạo Đức Kinh và Nam Hoa Kinh, kết hợp với Kinh Dịch đã bắt gặp niềm tin vào thần tiên của dân gian để trở thành một tôn giáo, bị người đời gọi nôm na là Lão giáo hay Đạo giáo.
Trước hết là đạo Hoàng Lão. Ngay giữa thời Chiến Quốc (478-221), trung tâm Tắc Hạ của nước Tề, nơi gặp gỡ của cả ngàn chư tử thuộc nhiều học phái Đạo, Nho, Pháp, Danh, Binh, Âm Dương, v.v. để chuẩn bị điển chương cho việc trị thiên hạ, học thuyết Hoàng Lão của Đạo gia nổi bật nhất. Kinh điển của học phái này là Đạo Đức Kinh của Lão Tử và những sách được truyền tụng là của Hoàng Đế, một vị vua trong huyền sử, trước cả Nghiêu Thuấn.
Đời Hán Vũ Đế Nho học độc tôn nên Hoàng Lão từ phép trị quốc trở thành pháp môn tu tâm dưỡng tính. Kế đó, kết hợp tính thần bí tiềm ẩn trong ngôn từ của mình với phương thuật thần tiên, Hoàng Lão trở thành tiền thân của Đạo giáo thời kỳ đầu. Tới khoảng nửa sau thế kỷ thứ ba sau công nguyên, thời Đông Hán, đạo Hoàng Lão trở thành cơ sở cho đạo Thái Bình của Trương Giốc và đạo Ngũ đẩu mễ (năm đấu gạo) của Trương Lăng sau này. Lão giáo được định chế hóa với các đạo sĩ, chân nhân, tịnh thất và các địa điểm thờ phượng, nghi lễ phụng vụ cùng một hệ thống thần linh từ Ngọc hoàng Thượng đế tới Tây Vương Mẫu và vô số thần tiên cùng ma quỉ khác.
Dần dà, người ta xem Lão giáo là một tôn giáo bản địa của Trung Hoa với người khai triển là Trương Lăng kể trên, lúc này được gọi là Trương Đạo Lăng hay Trương Thiên sứ. Đạo thần tiên này cũng có những nghi thức luyện đan, cúng bái, trừ tà, bùa chú và đặc biệt thuật tu tiên để tự giải thoát mình hay tìm chốn bồng lai tiên cảnh ngay chính giữa hoặc lơ lửng bên trên trần thế. Cuộc tương tranh giữa hai phái thần tiên Xiễn giáo và Triệt giáo là nền của Phong thần diễn nghĩa, một bộ truyện cho đến nay vẫn chưa gặp người giải mã.
Nói chung, Lão giáo chứa đựng nhiều huyền học, được thể hiện bằng huyền thuật và phép phù thủy, hơn bất cứ tôn giáo nào khác khiến nó có một năng lượng cá biệt hấp dẫn và kích thích người bình dân. Lúc bình thường, kẻ hoang mang hoặc mê tín có thể đến các đạo sĩ xin các phương thuốc chữa trị các bệnh tác động lên nguồn khí lực của họ. Gặp buổi bất thường, Lão giáo từng là niềm hứng khởi và tự tin cho một số hội kín hoặc phong trào nông dân nổi dậy thời phong kiến Trung Hoa như giặc Hoàng Cân (khăn vàng), loạn Quyền phỉ, Bạch liên hội, Thiên địa hội, v.v. Ngày nay, có lẽ nó đang là luồng cảm hứng cho những phép thực hành dưỡng sinh luyện khí của Pháp Luân Công.

**Lão Trang hóa thần hiển thánh**
Đã gọi là tôn giáo thì phải có thần thánh, nhất là để đối trọng với các tôn giáo khác và có chỗ cho tín đồ ngưỡng vọng. Vì thế, Lão Tử và Trang Tử hóa thần hiển thánh.
Lão Tử bắt đầu được thần thánh hóa từ thời Đông Hán, đánh đồng với “Đạo” và trở thành một vị thần có trước cả trời đất. Đạo giáo phong Lão Tử làm Thái thượng Lão quân và tôn làm giáo chủ, xem Đạo Đức Kinh là kinh điển chủ yếu. Nhà Đường của Lý Thế Dân tuyên bố rằng Lão Tử là tổ phụ của mình, phong ông làm Thái thượng Huyền nguyên Hoàng đế, sau đó lại mấy lần gia phong là Đại thánh tổ Cao thượng Đại đạo Kim khuyết Huyền nguyên Thiên hoàng Đại đế. Sang triều đại Tống, vua Chân Tông lại phong tiếp Lão Tử là Thái thượng Lão quân Hỗn nguyên Thượng đức Hoàng đế.
Địa vị của Trang Tử tuy không cao sang bằng nhưng cũng cực kỳ tôn quí. Sách Chân cáo, thời Nam triều, thế kỷ thứ bảy, do Đào Hoàng Cảnh chép lại theo lời thần tiên công bố rằng Trang Tử sau khi uống đan dược, ban ngày lên trời được bổ làm Thái cực vi biên lang. Vua Đường Huyền Tông phong ông là Nam Hoa chân nhân. Sang đời Tống Chân Tông, ông được phong là Vi diệu Nguyên thông chân quân.

**Đạo giáo tại Việt Nam**
Suốt ngàn năm Bắc thuộc, đất Giao châu không thể tránh ảnh hưởng của Đạo giáo, nhất là trong đời Đường với Thái thú Cao Biền. Cũng như Phật giáo và Khổng giáo, Lão giáo tại Việt Nam không có tính hệ thống thuần nhất với giới tăng lữ được gọi là đạo sĩ, đạo trưởng chuyên luyện đan và những danh gia nghiên cứu kinh điển học thuật như ở Trung Hoa. Tuy thế, từ chân núi đền Hùng với đền Ngọc Hoa cho tới khắp nước, nó vẫn sinh động có lẽ suốt mấy ngàn năm nay, cả trong khoa cử lẫn trong sự thờ phượng của dân gian. Tư tưởng Lão Trang tạo cảm hứng tiêu dao cho giới có học, còn các sinh hoạt Đạo giáo biến thể của nó đáp ứng khuynh hướng cầu viện tha lực của dân giả.
Thời Đinh Tiên Hoàng, Lão giáo đã bành trướng mạnh. Vua phong cho Trương Ma Ni là Tăng Lục đạo sĩ. Đời Lý Anh Tông dùng cả tam giáo làm đề thi khoa cử.
Một số hình tượng thờ trong chùa và nghi lễ của Phật giáo Bắc Tông như giải oan, cầu siêu, xin xăm, trừ tà, bùa chú, gọi hồn, v.v. có phần nào kết hợp với lối thờ phượng của Lão giáo. Có chùa còn dựng Điện ngay trong khuôn viên mình. Riêng với đạo Cao Đài, một tôn giáo thành lập vào thập niên 30 của thế kỷ 20 có chủ trương Tam giáo Đồng nguyên và Ngũ chi Hiệp nhất, ta có thể bắt gặp thoang thoảng phong vị Lão giáo trong nghi lễ và phương cách tu luyện, thí dụ Luyện Tam huê tụ đảnh. Vị Giáo tông vô vi của Cao Đài là Lý Thái Bạch, một thi hào mà theo truyền thuyết là hậu duệ của Lão Tử.
Dàn rộng hơn hết là các phủ, đền, điện với các thần linh cá biệt như Cửu Thiên Huyền nữ, Liễu Hạnh Công chúa, Thượng Ngàn Công chúa, Sơn thần Tản Viên. Tiên Dung Chữ Đồng Tử, Trần Hưng Đạo, Phạm Ngũ Lão, v.v. Hằng năm, đạo Mẫu hoặc Thiên tiên Thánh giáo có các ngày húy nhật và các nghi lễ như ngồi đồng hầu bóng, sai hồn gọi hồn, xin xăm đoán thẻ, v.v. Len lỏi vào dân gian nước ta có các thầy cúng, thầy phù thủy, các tông phái sử dụng ma thuật, phù thủy, tà thần như các bà chúa, v.v.
© 2007 talawas

**Nguyễn Ước**

Lão Tử

        Hơn hai ngàn năm trước, trong khi châu Âu còn nằm trong bóng tối của sự man rợ, Hy Lạp đang mở rộng ảnh hưởng chính trị và văn hóa của mình thì Trung Hoa đã là một xã hội tổ chức tương đối có kỷ cương với nếp sinh hoạt văn hóa cao nhất từ trước tới nay. Đó là nhận định được nhiều học giả phương Tây cùng chia sẻ.
Thời Xuân Thu của Trung Hoa kéo dài từ năm 722 tới năm 481 trước công nguyên. Trong tình trạng triền miên tao loạn của Trung Hoa, xuất hiện nhiều triết gia với nhiều lý thuyết khác nhau, được gọi là Bách gia chư tử. Vượt lên trên các triết gia ấy, Lão Tử — cùng Khổng Tử — là hai nhân vật nổi bật nhất. Với cuốn Đạo Đức Kinh, Lão Tử là người đầu tiên tại Trung Hoa đưa ra một quan niệm về vũ trụ. Những lời trong cuốn sách nhỏ ấy của ông thấm sâu vào dân tộc Trung Hoa, làm cốt lõi của văn hóa Trung Hoa, vừa tạo thú sống cho tao nhân quân tử vừa như một tôn giáo cho giới bình dân ngưỡng vọng.
Nền minh triết của Đạo Đức Kinh cũng được khai triển bởi các danh gia tự xem là môn đệ của Lão Tử, về sau trở thành một nền học thuật rồi dần dà biến thành một tôn giáo thần bí. Tại phương Tây, từ khoảng một trăm năm nay, Lão Tử ngày càng có mặt trong phạm vi nghiên cứu của nhiều học giả thuộc bộ môn triết ở các đại học, cho tới các trí thức muốn tìm cho mình một lối suy tư và sống thanh thoát giữa lòng xã hội bị cơ khí hóa và mê thích tiêu thụ.

Ông thầy già thần bí
Sự am hiểu của hậu thế về Đạo Đức Kinh thì tỉ lệ nghịch với mức độ hiểu biết về thân thế của Lão Tử. Lão Tử thật sự là ai, và phải chăng hai chữ ấy chỉ có ngụ ý vẽ ra hình ảnh một ông thầy già thần bí nửa hư nửa thực? Không học giả nào dám trả lời dứt khoát. Dựa theo truyền thuyết dân gian và mấy trang sách cổ, các học giả Trung Hoa thường tin rằng Lão Tử sống cùng thời với Khổng Tử và sinh trước hay sau vài chục năm. Nếu đúng thế tức là khoảng thời gian thế kỷ thứ sáu trước công nguyên, cùng thời với các triết gia Hy Lạp tiền Socrates như Heraclitus và Pythagoras.
Sử ký của Tư Mã Thiên (sinh khoảng năm 145 trước công nguyên) có kể chuyện rành rọt về Lão Tử, với đầy đủ họ Lý tên Nhĩ, hiệu là Bá Dương, thụy là Đam. Có người nói đó là Thái sử Đạm, Lão Lai Tử, người huyện Khổ, nước Sở, nay là phía đông Lộc Ấp, thuộc tỉnh Hà Nam. Có người còn đưa thời điểm cụ thể về cuộc đời của Lão Tử, cho rằng ông chào đời rồi tạ thế trong khoảng 580-500 trước công nguyên, cuối thời Xuân Thu. Cũng có câu chuyện kể lại lời Khổng Tử đã nói về Lão Tử — sau lần duy nhất cả hai gặp nhau — đại ý rằng ta biết và có thể săn bắt chim cá và thú, “chỉ như con rồng thì ta không biết nó theo mây gió mà bay liệng như thế nào. Nay ta thấy Lão Tử như con rồng”.
Sách Sử ký kể tiếp rằng Lão Tử làm quan giữ sách sử (Thư tàng sử) của nhà Chu. Khi thấy nhà Chu suy tàn, ông rời Trung Hoa, tìm ra chốn quan ngoại để sống. Lúc đi qua cửa ải Hàm Cốc, ông gặp quan lệnh là Doãn Hỉ. Quan ấy thưa: “Ngài sắp đi ở ẩn, xin hãy vì tôi mà để lại một bộ sách”. Lão Tử nán lại soạn Đạo Đức Kinh, rồi để ở đó, cưỡi trâu mà đi. Khi ông đã khuất bên kia cửa ải, người đời không còn biết tung tích ông.
Khảo chứng của người đời sau cho rằng bài viết về Lão Tử trong Sử ký hẳn do hậu thế thêm vào, còn lời cảm khái của Khổng Tử là do một đạo gia nào đó bịa ra để tôn vinh sư tổ của mình. Như thế, hình ảnh ông thầy già cưỡi trâu đi ra quan ải và con rồng bay liệng trên không cũng chỉ ở trong cõi huyền thoại. Chúng tạo thêm vẻ thần bí mông lung, như hàng trăm câu chuyện khác về hành trạng và hoàn cảnh sáng tác của văn thi sĩ Trung Hoa thời cổ. Nhưng dù gì đi nữa, ngụ ngôn ấy cũng làm nổi bật thêm giá trị tư tưởng, cuộc sống lãng đãng và phong thái phiêu hốt của tác giả Đạo Đức Kinh.

Đạo Đức Kinh
Sách chỉ khoảng 5000 chữ, gồm hai phần. Thượng là Đạo Kinh gồm 37 chương, bàn về Đạo lớn của vũ trụ. Hạ là Đức Kinh gồm 44 chương bàn về Đức.
Tác giả viết theo hình thức câu dài ngắn khác nhau, giàu âm điệu và đọc lên nghe như thơ tự do thời nay. Súc tích. Không chấm câu. Không lý luận. Không chứng minh dài dòng. Thể được dùng là cổ văn, một loại văn ngắn gọn, dễ thuộc lòng nhưng không dễ hiểu. Vì thế, nó có vẻ như chỉ gợi ý và bắt người đọc phải ngẫm nghĩ, tưởng tượng, lắng nghe tiếng dội lại từ lòng mình. Và người đọc có rất nhiều cơ hội tiếp nối quá trình sáng tạo, tư duy, cho tác phẩm sinh động, thấm sâu, được triển khai thêm theo mỗi lần đọc.
Ngoại trừ hai vấn đề chính là Đạo và Đức, sách còn trình bày kiến thức sơ lược về binh pháp, thiên văn, dưỡng sinh... Có người dựa vào nội dung, cắt nghĩa rằng mục đích của Lão Tử là truyền thông điệp trị quốc, một loại triết lý chính trị. Có người lại nhấn mạnh tới phẩm chất tâm linh đạo học của nó.
Các bản lưu truyền từ hơn hai ngàn năm nay có khác nhau đôi chút về một số chữ hoặc cách chấm câu. Năm 1973, tại Trường Sa, ngành khảo cổ học tìm thấy một bản bạch thư dưới một mộ cổ đời Hán, trong đó phần Đức Kinh được đem lên trước phần Đạo Kinh. Bản khai quật này có giá trị tham khảo rất lớn vì hơi khác các bản hiện hành.
Cho tới nay, Đạo Đức Kinh có tới cả trăm bản dịch ra các thứ tiếng Anh, Pháp, Đức, Tây Ban Nha, v.v. Riêng trong tiếng Việt có các bản dịch của Nguyễn Duy Cần, Nghiêm Toản, Nguyễn Hiến Lê, Nguyễn Tôn Nhan...

Vũ trụ luận và Tri thức luận
Tại Trung Hoa, trước Lão Tử, chưa triết gia nào khởi xướng vũ trụ luận. Học thuyết trọng tâm của Lão Tử là Đạo và Đức.
Đạo sinh một, một sinh hai, hai sinh ba, ba sinh vạn vật. Lão Tử đếm vài con số rồi phán như thế, và ta hiểu ý của ông cho rằng không thể định nghĩa Đạo, nhưng Đạo có trước vũ trụ và Đạo là nguồn gốc của vũ trụ. Theo Lão Tử, trời đất muôn vật do Đạo mà sinh thành. Đạo là cái hỗn mang chưa phân, là cái nguyên thủy và là sự vận động hằng cửu mà ta không thể cảm, không thể biết. Đạo vô danh vô hình, là căn nguyên và cốt lõi của muôn vật. Muôn vật đều khởi đi từ Đạo, đi theo Đạo và quay về Đạo.
Còn Đức? Chữ Đức ở đây không phải là đức hạnh hiểu theo lối luân lý thông thường, mà là phải hiểu theo nghĩa của Lão Tử. Đức là “mầm sống ngấm ngầm” trong vạn vật. Đạo thì sinh ra còn Đức thì nuôi nấng. Người sống có Đức là sống theo Đạo. Người bắt chước đất, đất bắt chước trời, trời bắt chước Đạo, Đạo bắt chước tự nhiên.
Tới đây, ta chớm hiểu. Cái Đạo “phi thường Đạo” được Lão Tử nói đến là thiên nhiên, năng lượng sức sống và sự vận hành của thiên nhiên. Cũng có thể gọi là tự nhiên hoặc thiên lý. Và Đức là cứ theo tự nhiên mà sống, thuận theo thiên lý mà lưu hành. Trong cái Đạo của vũ trụ ấy, thiên nhiên và những qui luật của chúng tập hợp thành cái trụ cốt, cái bản thể, còn đất trời và sinh linh, v.v. là những thực thể có vị trí thích hợp và chức năng thích hợp, thao tác theo một thể thức tự nhiên.
Đạo ấy chỉ được biết bằng trực quan, không bằng lý trí. Lão Tử không lập luận về Đạo vì ông chống lý trí. Theo ông, lý trí khiến ta nhìn cuộc đời với con mắt nhị nguyên, phân chia thế giới nội tâm và ngoại lai, con người với thiên nhiên, thế gian với vũ trụ, thiện và ác, vinh và nhục, đúng và sai, cao và thấp..., làm ta xa lìa đạo. Lão Tử không mất công giảng giải về Đạo, ông chống tri thức và trí năng. Ông cho rằng tri thức không giúp cho người ta sống theo Đạo và Đức. Nó chỉ làm cuộc sống thêm phức tạp; nó chế tạo cơ khí khiến sinh ra “cơ tâm”; nó bày đặt lý thuyết này nọ khiến đưa tới xung khắc... Trí năng khiến người ta phân biệt cái hay cái dở nên sinh ra ham muốn. Ông chủ trương bỏ trí năng, bỏ văn tự, bỏ việc dạy dỗ dân, để dân chúng sống mộc mạc, tự nhiên. Lão Tử không chịu nói nhiều về Đạo vì ông hiểu rõ giới hạn truyền đạt của ngôn ngữ. Tóm lại, Đạo, cái lý tự nhiên trong con người và vũ trụ, thì hư vô, mênh mông, sâu thẳm và ngập tràn tới độ nằm ngoài tầm nắm bắt của lý trí, nhận biết của tri thức và diễn đạt của ngôn từ.
Lão Tử nhìn sự vật thường xuyên biến đổi và nhận ra luật mâu thuẫn nơi vẻ ngoài của vạn vật, “cái yên tĩnh là chủ của cái xáo động, cái quí lấy cái tiện làm gốc, cái cao lấy cái thấp làm gốc, cái thật đầy thì giống như trống không, con người thật khôn khéo thì trông giống như vụng về...”
Ông còn nhận ra luật phản phục ở bên trong vũ trụ, “vật gì phát tới cực điểm thì phản hồi, hễ tăng rồi thì phải hao giảm — trăng tròn rồi khuyết, hết mùa đông tới mùa xuân... Cùng tắc biến, biến tắc thông....”
Trong cùng một lúc, bị chi phối bởi luật mâu thuẫn và luật phản phục, vũ trụ vận hành với Đạo, vạn vật đều nương tựa vào nhau mà sinh tồn và tương tác tạo điều kiện cho nhau “có và không cùng sinh; khó và dễ cùng thành, dài và ngắn cùng hình, cao và thấp cùng nghiêng, thanh và âm cùng họa, trước và sau cùng theo”.
Tuy Đạo không thể hiểu, không thể bàn, không thể nói nhưng Lão Tử cho rằng loài người chỉ tự mình phục vụ mình tốt nhất bằng việc đi trên con đường Đạo. Để xoay xở trong tình cảnh nghịch lý đó thì có Đức. Sống có Đức tức là sống không phân biệt nhị nguyên, không khiên cưỡng, sống tự nhiên, vi vô vi — làm một cách tự nhiên — và đi đúng con đường vận hành của Đạo.

Cầm quyền trị nước
Quốc gia theo hình ảnh của Lão Tử là một nước nhỏ dân ít, nên có người bảo có lẽ Lão Tử chọn hình thức liệt quốc liên bang cho Trung Hoa thời cổ. Có người lại bảo đó là một thứ Utopia của Plato nằm ở đầu mút cực đoan đảo nghịch.
Lấy khái niệm Đạo và Đức của mình làm hệ qui chiếu, Lão Tử chủ trương một chính quyền theo tự nhiên mà giữ giềng mối, “vô vi nhi trị”, trị mà như không trị tức là trị vậy. Theo Đạo mà trị nước vì nếu dùng trí thuật mà trị nước tức là làm hại nước.
Chính quyền gồm những người chất phác, ăn ở giản dị và cần kiệm, không xa hoa. Họ không can thiệp vào chuyện của nhân dân, không dựa vào thánh nhân để dạy dỗ dân, không tôn quí hiền tài, không vận dụng lý trí để ứng xử với dân. Luật pháp phải rộng rãi và uyển chuyển vì càng gia tăng luật lệ thì dân càng bị trói buộc, khổ sở. Trọng dụng hiền tài chỉ làm dân tranh nhau để được tiếng là người hiền. “Dứt thánh bỏ trí, dân lợi trăm phần. Dứt nhân bỏ nghĩa, dân lại thảo lành. Dứt xảo bỏ lợi, trộm cướp không còn”.
Ở trong nước, chính quyền không nên dùng các hình phạt răn đe, nhất là đem cái chết ra dọa dân vì tới một lúc nào đó dân không còn sợ. Đối với bên ngoài, phải cố hết sức tránh nạn binh đao. Lão Tử triệt để bác bỏ chiến tranh. Cực chẳng đã phải dùng thì nên điềm đạm, chừng mực. “Nước lớn mà hạ mình trước nước nhỏ thì được nước nhỏ thần phục; nước nhỏ mà hạ mình trước nước lớn thì tất được nước lớn che chở”.
Tóm lại, phép trị quốc an dân hay nhất để đem lại phúc lợi cho dân chúng là càng ít can thiệp càng tốt, để mặc cho dân sống tự nhiên, mộc mạc và giản dị.

Sống đời tự nhiên
Lấy vũ trụ quan về Đạo làm cơ sở và áp dụng Đức, tức là vận dụng Đạo vào cuộc sống đời thường, đó là phong thái sống theo Đạo. Cuộc đời cứ thế tự nhiên mà sống. Bên ngoài thì mộc mạc nhàn nhã, bên trong thì phong phú thâm hậu vì luôn luôn tươi mới theo vận hành của thiên nhiên.
Đây là một lối sống tự nhiên, không dựa và lý trí, cũng không dựa vào tri thức. Ta nên trọng “tốn” và “tĩnh”. Tốn là khiêm tốn, đừng mong phát đạt đến cực điểm. Hễ hơi quá thì phải giảm rút ngay. Tĩnh là ung dung nhàn nhã, là vô vi. Cứ thuận theo tự nhiên, đừng ra tay tạo thời thế, vì không thể nào chuyển được cơ trời.
Người hiểu Đạo thì lúc nào cũng giữ phận mình hèn mọn. Thông minh thánh trí thì nên sống như kẻ ngu ngơ đần độn. Không tranh đua với người khác. Minh triết là an mệnh, giữ sự thinh lặng, sống lặng lẽ với thiên nhiên. Không ôm hết vào mình, không tích lũy của cải. Nên cho kẻ khác những cái mình có.
Mềm thì thắng cứng, yếu thì thắng mạnh. Sống như nước. Nước làm lợi cho mọi vật mà không tranh giành, ở chỗ thấp trũng không người nào thích. Trong thiên hạ không có gì nhu nhược như nước nhưng dùng để công phá những cái chắc và mạnh thì không có gì hơn nước.

Trang Tử
Sau Lão Tử khoảng hai trăm năm, có một triết gia chiêm bao thấy mình hóa bướm nhởn nhơ bay lượn tới độ khi tỉnh giấc, không biết giờ đây mình đang là bướm hay bướm chính là mình. Kẻ ấy là triết gia và văn hào Trang Tử, người để lại cho đời tuyệt phẩm Nam Hoa Kinh.
Trang Tử họ Trang tên Chu, tự là Tử Hư. Ông sinh khoảng năm 369 và từ trần năm 286 trước công nguyên, quê tại đất Mông (nay là huyện Thương Khâu, tỉnh Hà Nam, có thuyết nói là huyện Tào, tỉnh Sơn Đông nước Tống). Thuộc gia đình quí tộc sa sút, ông từng làm quan, sau đó từ chức về quê ở ẩn. Có lần ông được mời ra làm tướng quốc nhưng ông từ chối vì không muốn mất thú sống tiêu dao với cỏ cây.
Sử ký của Tư Mã Thiên viết về ông: “Sở học của ông không sách gì không xem, nhưng cái gốc chủ yếu quy về lời Lão Tử, cho nên ông viết sách hơn mười vạn chữ [Nam Hoa Kinh], đại để dùng dụ ngôn... Lời ông mênh mông phóng túng để thỏa thích ý mình, cho nên vương công đại nhân không ai dùng được ông”.
Nam Hoa Kinh của Trang Tử gồm 33 thiên, chia làm ba phần. Nội thiên có 7 thiên; Ngoại thiên có 15 thiên; và Tạp thiên có 11 thiên. Xét theo tư tưởng cùng văn phong, các học giả cho rằng chỉ phần Nội thiên là do Trang Chu trước tác, hai phần còn lại do người đời sau viết và mượn tên ông. Đây là một tập quán tá danh thường thấy trong văn học Trung Hoa, để gây chú ý và gia tăng trọng lượng các phát biểu của một tác giả nào đó.
Kế thừa tư tưởng của Lão Tử, Trang Chu đi vào chi tiết hơn và phát huy chúng lên mức cực điểm. Ông cho rằng Đạo là vô vi, vô hình, tồn tại từ lúc chưa có trời đất. Và trời đất muôn vật được cấu tạo bởi Khí — “suốt thiên hạ là một Khí vậy”. Ông là người đầu tiên quả quyết rằng mọi sinh vật sống trên mặt đất có nguồn gốc từ dưới biển.
Vũ trụ của Trang Chu biến hóa vô cùng tận. Vạn vật sinh tử như nhau không khác nhịp tuần hoàn của thiên nhiên nên chúng cũng khác nhau về giá trị của phẩm tính và lượng tính. Vì tính chất biến hóa và tương đối đó, Trang Chu ôm lòng hoài nghi cực độ, đi đến tính tuyệt đối trong chủ trương của mình: tuyệt đối tự do bình đẳng, tuyệt đối tôn trọng cá nhân và tuyệt đối vô vi. Trong trạng thái tuyệt đối đó, con người không kỳ vọng, không chờ đợi, chỉ sống tiêu dao theo tháng ngày.
Lão Tử tuy vô vi nhưng còn nghĩ tới chuyện nước non, còn Trang Tử vô vi tới mức phủ định quốc gia. Ông ghét những vị được gọi là minh quân, các thể chế và các phẩm trật chính trị. Ông là người cực kỳ vô chính phủ. Khi vua Sở mời ra làm quan, ông chỉ nói: “Ta thích làm con rùa sống mà lết cái đuôi trong bùn, còn hơn làm con rùa thần đã chết cất nơi miếu đường, trong một cái giỏ có phủ lụa”.

Tác động của Lão Trang
Khái niệm về muôn vật biến hóa của Trang Tử đóng vai trò chủ yếu trong triết học Lão Trang. Nó thâm nhập các luồng triết học khác như Phật giáo để hợp thành Thiền tông, đi bên cạnh Khổng giáo để tạo một không gian thanh thoát trong xã hội kỷ cương chặt chẽ. Quan niệm Khí của Trang Chu cũng đi vào y học, võ thuật, dưỡng sinh, phong thủy...
Triết lý duy tự nhiên của Lão Tử với năm điểm chính phản phục, hư tĩnh, vô vi, khiêm nhu, bất tranh được hậu thế lưu giữ như một giấc mơ an lạc đã mất trong nền văn minh cơ khí, phát triển kinh tế và nhịp sống xô bồ của nhân loại sau ông hơn hai ngàn năm. Cái Hỗn mang trong Đạo Đức Kinh có cái gì đó từa tựa Chaos của Hesiod trong Theogony (Thần linh phả hệ) của Hy Lạp. Đọc Lão Tử, người ta hiểu rõ hơn vũ trụ quan trong các Upanishad của kinh Veda, mà có người như Will Durant và Ngô Tất Tố nói là ông đã lấy cảm hứng từ đó. Lối sống trở về thiên nhiên theo Đạo Đức Kinh và Nam Hoa Kinh cũng khiến ta nhớ tới chủ trương của Jean Jacques Rousseau của Pháp và Henry David Thoreau của Mỹ. Tiểu quốc của Lão Tử đầy vẻ ảo tưởng không kém Utopia của Plato, nhưng giấc mộng an lạc và thuần phác của nó vẫn ám ảnh người công dân hiện đại, nhất là những lúc quốc gia chẳng may không có được giới lãnh đạo xứng đáng. Và mỗi khi mỏi mệt vì cuộc sống thường nhật, hoặc tới một tuổi nào đó trong đời người, ta lại nhìn thấy hình ảnh ông thầy già cưỡi trâu chầm chậm đi trong hoa cỏ và gió nhẹ của đất trời, hoặc ta muốn chập chờn vào giấc mộng hóa bướm của vị trung niên ẩn sĩ.

Lão Trang và Đạo giáo
Tuy nhiên, những quảng diễn từ Đạo Đức Kinh và Nam Hoa Kinh, kết hợp với Kinh Dịch đã bắt gặp niềm tin vào thần tiên của dân gian để trở thành một tôn giáo, bị người đời gọi nôm na là Lão giáo hay Đạo giáo.
Trước hết là đạo Hoàng Lão. Ngay giữa thời Chiến Quốc (478-221), trung tâm Tắc Hạ của nước Tề, nơi gặp gỡ của cả ngàn chư tử thuộc nhiều học phái Đạo, Nho, Pháp, Danh, Binh, Âm Dương, v.v. để chuẩn bị điển chương cho việc trị thiên hạ, học thuyết Hoàng Lão của Đạo gia nổi bật nhất. Kinh điển của học phái này là Đạo Đức Kinh của Lão Tử và những sách được truyền tụng là của Hoàng Đế, một vị vua trong huyền sử, trước cả Nghiêu Thuấn.
Đời Hán Vũ Đế Nho học độc tôn nên Hoàng Lão từ phép trị quốc trở thành pháp môn tu tâm dưỡng tính. Kế đó, kết hợp tính thần bí tiềm ẩn trong ngôn từ của mình với phương thuật thần tiên, Hoàng Lão trở thành tiền thân của Đạo giáo thời kỳ đầu. Tới khoảng nửa sau thế kỷ thứ ba sau công nguyên, thời Đông Hán, đạo Hoàng Lão trở thành cơ sở cho đạo Thái Bình của Trương Giốc và đạo Ngũ đẩu mễ (năm đấu gạo) của Trương Lăng sau này. Lão giáo được định chế hóa với các đạo sĩ, chân nhân, tịnh thất và các địa điểm thờ phượng, nghi lễ phụng vụ cùng một hệ thống thần linh từ Ngọc hoàng Thượng đế tới Tây Vương Mẫu và vô số thần tiên cùng ma quỉ khác.
Dần dà, người ta xem Lão giáo là một tôn giáo bản địa của Trung Hoa với người khai triển là Trương Lăng kể trên, lúc này được gọi là Trương Đạo Lăng hay Trương Thiên sứ. Đạo thần tiên này cũng có những nghi thức luyện đan, cúng bái, trừ tà, bùa chú và đặc biệt thuật tu tiên để tự giải thoát mình hay tìm chốn bồng lai tiên cảnh ngay chính giữa hoặc lơ lửng bên trên trần thế. Cuộc tương tranh giữa hai phái thần tiên Xiễn giáo và Triệt giáo là nền của Phong thần diễn nghĩa, một bộ truyện cho đến nay vẫn chưa gặp người giải mã.
Nói chung, Lão giáo chứa đựng nhiều huyền học, được thể hiện bằng huyền thuật và phép phù thủy, hơn bất cứ tôn giáo nào khác khiến nó có một năng lượng cá biệt hấp dẫn và kích thích người bình dân. Lúc bình thường, kẻ hoang mang hoặc mê tín có thể đến các đạo sĩ xin các phương thuốc chữa trị các bệnh tác động lên nguồn khí lực của họ. Gặp buổi bất thường, Lão giáo từng là niềm hứng khởi và tự tin cho một số hội kín hoặc phong trào nông dân nổi dậy thời phong kiến Trung Hoa như giặc Hoàng Cân (khăn vàng), loạn Quyền phỉ, Bạch liên hội, Thiên địa hội, v.v. Ngày nay, có lẽ nó đang là luồng cảm hứng cho những phép thực hành dưỡng sinh luyện khí của Pháp Luân Công.

Lão Trang hóa thần hiển thánh
Đã gọi là tôn giáo thì phải có thần thánh, nhất là để đối trọng với các tôn giáo khác và có chỗ cho tín đồ ngưỡng vọng. Vì thế, Lão Tử và Trang Tử hóa thần hiển thánh.
Lão Tử bắt đầu được thần thánh hóa từ thời Đông Hán, đánh đồng với “Đạo” và trở thành một vị thần có trước cả trời đất. Đạo giáo phong Lão Tử làm Thái thượng Lão quân và tôn làm giáo chủ, xem Đạo Đức Kinh là kinh điển chủ yếu. Nhà Đường của Lý Thế Dân tuyên bố rằng Lão Tử là tổ phụ của mình, phong ông làm Thái thượng Huyền nguyên Hoàng đế, sau đó lại mấy lần gia phong là Đại thánh tổ Cao thượng Đại đạo Kim khuyết Huyền nguyên Thiên hoàng Đại đế. Sang triều đại Tống, vua Chân Tông lại phong tiếp Lão Tử là Thái thượng Lão quân Hỗn nguyên Thượng đức Hoàng đế.
Địa vị của Trang Tử tuy không cao sang bằng nhưng cũng cực kỳ tôn quí. Sách Chân cáo, thời Nam triều, thế kỷ thứ bảy, do Đào Hoàng Cảnh chép lại theo lời thần tiên công bố rằng Trang Tử sau khi uống đan dược, ban ngày lên trời được bổ làm Thái cực vi biên lang. Vua Đường Huyền Tông phong ông là Nam Hoa chân nhân. Sang đời Tống Chân Tông, ông được phong là Vi diệu Nguyên thông chân quân.

Đạo giáo tại Việt Nam
Suốt ngàn năm Bắc thuộc, đất Giao châu không thể tránh ảnh hưởng của Đạo giáo, nhất là trong đời Đường với Thái thú Cao Biền. Cũng như Phật giáo và Khổng giáo, Lão giáo tại Việt Nam không có tính hệ thống thuần nhất với giới tăng lữ được gọi là đạo sĩ, đạo trưởng chuyên luyện đan và những danh gia nghiên cứu kinh điển học thuật như ở Trung Hoa. Tuy thế, từ chân núi đền Hùng với đền Ngọc Hoa cho tới khắp nước, nó vẫn sinh động có lẽ suốt mấy ngàn năm nay, cả trong khoa cử lẫn trong sự thờ phượng của dân gian. Tư tưởng Lão Trang tạo cảm hứng tiêu dao cho giới có học, còn các sinh hoạt Đạo giáo biến thể của nó đáp ứng khuynh hướng cầu viện tha lực của dân giả.
Thời Đinh Tiên Hoàng, Lão giáo đã bành trướng mạnh. Vua phong cho Trương Ma Ni là Tăng Lục đạo sĩ. Đời Lý Anh Tông dùng cả tam giáo làm đề thi khoa cử.
Một số hình tượng thờ trong chùa và nghi lễ của Phật giáo Bắc Tông như giải oan, cầu siêu, xin xăm, trừ tà, bùa chú, gọi hồn, v.v. có phần nào kết hợp với lối thờ phượng của Lão giáo. Có chùa còn dựng Điện ngay trong khuôn viên mình. Riêng với đạo Cao Đài, một tôn giáo thành lập vào thập niên 30 của thế kỷ 20 có chủ trương Tam giáo Đồng nguyên và Ngũ chi Hiệp nhất, ta có thể bắt gặp thoang thoảng phong vị Lão giáo trong nghi lễ và phương cách tu luyện, thí dụ Luyện Tam huê tụ đảnh. Vị Giáo tông vô vi của Cao Đài là Lý Thái Bạch, một thi hào mà theo truyền thuyết là hậu duệ của Lão Tử.
Dàn rộng hơn hết là các phủ, đền, điện với các thần linh cá biệt như Cửu Thiên Huyền nữ, Liễu Hạnh Công chúa, Thượng Ngàn Công chúa, Sơn thần Tản Viên. Tiên Dung Chữ Đồng Tử, Trần Hưng Đạo, Phạm Ngũ Lão, v.v. Hằng năm, đạo Mẫu hoặc Thiên tiên Thánh giáo có các ngày húy nhật và các nghi lễ như ngồi đồng hầu bóng, sai hồn gọi hồn, xin xăm đoán thẻ, v.v. Len lỏi vào dân gian nước ta có các thầy cúng, thầy phù thủy, các tông phái sử dụng ma thuật, phù thủy, tà thần như các bà chúa, v.v.

Lời cuối: Cám ơn bạn đã theo dõi hết cuốn truyện.
Nguồn: http://vnthuquan.net
Phát hành: Nguyễn Kim Vỹ.

Nguồn: Talawas
Được bạn: Ct.Ly đưa lên
vào ngày: 7 tháng 8 năm 2007